

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông Nguyễn Quang Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A 22 tuổi

Địa chỉ: Tổ 10 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T 25 tuổi

Địa chỉ: Tổ 10 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08-6-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn tháng 3 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hòa thuận nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ nần; không có trách nhiệm với vợ con. Gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, đánh chửi nhau; nhiều tháng nay vợ chồng sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh T có một cháu là Ông Thùy Ch sinh ngày 19-5-2017. Khi ly hôn

chị sẽ nuôi cháu Chi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung chị xác định không có.

Trong bản tự khai ngày 26-6-2020 và các lời khai tiếp theo bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày cơ bản như lời khai của chị A, theo anh sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2020 do hai vợ chồng xa nhau không có sự tin tưởng lẫn nhau. Anh cũng thừa nhận trước đây có hay cờ bạc; do bức xúc nên có lần đánh vợ. Anh vẫn quan tâm đến gia đình, vợ con; vẫn còn tình cảm với chị A. Tại phiên hòa giải lần hai anh nhất trí ly hôn. Về con chung, nếu ly hôn anh sẽ nuôi cháu Chi, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung anh cũng xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lê Thị A và anh Nguyễn Đức T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Về tình cảm: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Đức T kết hôn năm 2017, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Qua lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị A- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau; thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Hiện tại hai người sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Tại phiên hòa giải anh T cũng đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A- anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có một cháu là Nông Thùy Ch sinh ngày 19-5-2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được, cả chị A và anh T đều đề nghị được nuôi cháu Ch và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo khoản 2, khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Phải khẳng định nguyện vọng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Với chứng cứ do các bên xuất trình thì mỗi người đều có công việc riêng và có thu nhập, tuy nhiên

xét hoàn cảnh thực tế anh T làm công việc phụ xe khách thường xuyên phải di chuyển trên đường. Mặt khác cháu Ch còn nhỏ lại là con gái, do đó cần giao cháu cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị A không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[5] Về án phí Chị A phải chịu án phí lý hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị A được ly hôn với anh T, giao cháu Nông Thùy Ch cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng...

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu Nông Thùy Ch sinh ngày 19-5-2017 cho chị Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn. Xác nhận chị A đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008173 ngày 08-6-2020.

4- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND thị trấn YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô